

VỀ TẤM BIA

"CỔ TÍCH LINH TỬ BI KÝ" DƯỚI CHÂN NÚI TỬ TRÂM (HÀ TÂY)

DO NHÀ SỬ HỌC LÊ TUNG SOẠN

NGUYỄN QUANG NGỌC*
NGUYỄN QUANG HÀ**

1. XUẤT XỨ TẤM BIA VÀ VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ

Tại xóm San, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây hiện còn lưu giữ tấm bia *Cổ tích linh tử bi ký*. Bia có chiều cao 1m22, rộng 1m20, trong đó trán bia cao 0,24m, đề hoa văn rồng châu mặt nguyệt cách điệu, hai riềm bia có hoa, dây leo. Bia được dựng trong một am nhỏ có mái che, chữ còn khá rõ nét, viết chân phương, dễ đọc. Bia gồm 22 dòng, mỗi dòng khoảng 50 chữ, tổng cộng hơn 1000 chữ, một bài tựa và một bài minh dài hơn 70 câu (mỗi câu 4 từ). Phần cuối bia có dòng lạc khoản: "*Hồng Thuận nhị niên, tuế thứ Canh Ngọ, Trọng Thu, cát nhật, Tiến thận Quang Lộc đại phu, Thiếu Bảo, Lễ bộ Thượng thư, Đông các đại học sĩ, kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu (1) Tri kinh diên sự thần Lê Tung đẳng phụng sắc soạn*". Nghĩa là: Ngày tốt, tháng giữa Thu (tháng 8) năm Canh Ngọ, niên hiệu Hồng Thuận thứ 2 (1510) do Tiến thận Quang Lộc đại phu. Thiếu Bảo, Lễ bộ Thượng thư, Đông các đại học sĩ, kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu, Tri kinh diên sự thần Lê Tung kính cẩn soạn sắc.

Đây là tấm bia mà soạn giả là một nhà sử học nổi tiếng sống cách chúng ta khoảng

500 năm. Nội dung tấm bia cho biết nhiều sự kiện xảy ra trong giai đoạn đầu thế kỷ XVI, trong đó có việc Lê Tương Dực (1509-1516) lên ngôi. Ngoài ra, nội dung tấm bia còn mô tả về quang cảnh khu di tích núi Trâm thời Lê (2).

Ngoài tấm bia ở núi Trâm do Lê Tung soạn. Nội dung tấm bia tại đình Kim Liên về cơ bản cũng tương tự như tấm bia ở chân núi Tử Trâm, nhưng có thay đổi thêm bớt một số từ. Bia ở đình Kim Liên: Chiều cao 2,20m, rộng 1,40m, dày 0,22m, trán bia trang trí hoa văn rồng châu mặt nguyệt, khắc đẹp rõ nét. Bia không có tên, dòng đầu ghi: *Cao Sơn Đại Vương thần từ minh tịnh tự* (bài tựa và bài minh bia ở đền thờ Cao Sơn Đại Vương). Mặt sau ghi: "*Cảnh Hưng tam thập tam niên, tuế tại Nhâm Thìn, trọng Thu, sơ nhất nhật, phụng lập bi. Nguyên bi tại Phụng Hoá huyện tự cổ truyền lai, phù vu Bồ Đề giang tân. Ư Hoằng Định niên gian, bản phùng duệ đắc nghênh hồi vu tự địa, trí tư huyền trưng lữ thủ nhân phụng nghênh lập bản từ tả biên dĩ thị tôn nghiêm, truyền vĩnh cửu nhưng tả dĩ vi chí vân*".

Nghĩa là: Bia dựng ngày mồng một, tháng giữa Thu (tháng 8), năm Nhâm Thìn

*PGS-TS. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQGHN.

** Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Lào Cai.

niên hiệu Cảnh Hưng thứ 33 (1772). Bia nguyên ở huyện Phụng Hoá (3). Từ xưa truyền lại trôi đến bến Bồ Đề (4). Khoảng niên hiệu Hoằng Định (1602-1619) bản phờng kéo lên đặt ở đất chùa, bày ở bên trái của đình để cho thêm phần tôn nghiêm, bèn viết vào để truyền mãi mãi.

Như vậy, xuất xứ của tấm bia này đã rõ ràng. Chúng tôi không biết ở huyện Phụng Hoá (xưa) có còn tấm bia nào của Lê Tung không. Nhưng khi đối chiếu chúng tôi cho rằng tấm bia đình Kim Liên này đã chép lại gần như hoàn toàn nội dung tấm bia ở chân núi Tử Trâm. Điều đó chứng tỏ uy tín cũng như sử bút của nhà Sử học Lê Tung được người đời sau trân trọng (5). Mặt khác, xét về mặt vị trí địa lý và địa hình thì tấm bia ở chân núi Tử Trâm đã phản ánh đúng cảnh qua như "núi rừng rậm rạp, cảnh lá giao nhau, có vực sâu..."

Lê Tung tên thật là Dương Bang Bản (1452-1514), người xã An Cù, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Ông là một vị công thần sống vào cuối triều Lê sơ, được ban quốc tính, sau đổi là Lê Tung. Năm 23 tuổi, đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Giáp Thìn, niên hiệu Hồng Đức (1484) đời Lê Thánh Tông. Ông từng được cử đi sứ, làm quan thăng đến chức Lễ bộ Thượng thư, hàm Thiếu Bảo, Đông các đại học sĩ, kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu, Tri kinh diên sự, tước Đôn Thư Bá, thọ 63 tuổi (6). Tác phẩm của ông hiện nay được biết đến không nhiều (7), quan trọng nhất là "Việt sử thông giám tổng luận" (8).

Dưới triều vua Lê Uy Mục và đặc biệt dưới triều Lê Tương Dực, Lê Tung được giao nhiều trọng trách quan trọng. Năm Hồng Thuận thứ 5 (1513), ông được cử soạn tấm bia: *Hồng Thuận tam niên Tân Mùi khoa tiến sĩ đề danh ký* (Khoa thi Tiến sĩ năm Tân Mùi niên hiệu Hồng Thuận thứ 3

(1511) (9). Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*: "Mùa thu, tháng 9 năm Hồng Thuận thứ 6 (1514), sai Thiếu Bảo, Lễ bộ Thượng thư, kiêm Đông các đại học sĩ, kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu, Tri kinh diên sự, Đôn Thư Bá (10) Lê Tung soạn bài *Đại Việt thông giám tổng luận*". *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng cho biết: Năm 1514, Lê Tung cùng các nhân vật nổi tiếng khác như: Lê Phụ, Đàm Thận Huy, Nguyễn Bá Thuyên, Đỗ Nhạc trông coi việc thi... (11). Được triều đình giao cho nhiều công việc quan trọng như thế, điều đó chứng tỏ tài năng và sự tín nhiệm của triều đình đối với ông.

2. BỐI CẢNH LỊCH SỬ KHI LÊ TUNG SOẠN "CỔ TÍCH LINH TỬ BI KÝ"

Có thể nói rằng, nhà sử học Lê Tung là người đã từng chứng kiến nhiều đổi thay của xã hội Việt Nam vào nửa cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI. Cuộc đời làm quan của ông trải qua 5 đời vua: Lê Thánh Tông niên hiệu Hồng Đức (1469-1497), Lê Hiến Tông niên hiệu Cảnh Thống (1498-1504), Lê Túc Tông niên hiệu Thái Trinh (1504), Lê Uy Mục niên hiệu Đoan Khánh (1505-1509), Lê Tương Dực niên hiệu Hồng Thuận (1509-1516).

Kể từ khi thi đậu Hoàng Giáp Tiến sĩ (1484) cho đến khi qua đời, ông may mắn tận mắt thấy được thời kỳ thịnh trị của chế độ phong kiến Việt Nam dưới triều Lê Thánh Tông và cũng chính ông đã chứng kiến sự suy sụp của các triều Lê Uy Mục và Lê Tương Dực.

Lúc này nhiều công thần, hiền tài bị giết hại như Lễ bộ Thượng thư Đàm Văn Lễ, Đô ngự sử đài Trạng Nguyên Nguyễn Quang Bật... Chính vào thời điểm này, Lê Tung được giao nhiều việc quan trọng như: Thừa tuyên xứ Thanh Hoá (12), Hàn lâm viện kiểm thảo...

Là người được tin dùng, được giữ nhiều chức vụ quan trọng nhưng sống và làm việc dưới quyền một ông vua bạo ngược, gian ác khiến cho Lê Tung cùng nhiều văn thần khác phải lựa chọn hành động khởi binh chống lại. Sử chép: “Tháng 11 năm 1509, bảy giờ vua giết hại tông thất, Giản Tu Công còn bị giam ở ngục mới đem cửa đút lót người canh giữ thoát ra được, chưa kịp chào mẹ, anh em và vợ mình, một mình trốn vào Tây Đô. Đến cửa biển Thần Phù được Văn Lang ra đón, lập làm minh chủ, rồi cùng Văn Lang rèn đúc giáo dài, cùng bọn văn thần Nguyễn Diễm, Ngô Khế, Nguyễn Bá Cao, Lê Trạm, Lê Thanh Hoa, Tổng binh thêm sự Nguyễn Bá Tuấn, Thừa tuyên sứ Lê Tung, Tham chánh Nguyễn Thi Ung khởi nghĩa, sai Lương Đắc Bằng viết hịch dụ đại thần và các quan. Đại ý nói: Bao chúa Lê Tuấn phân làm con thứ hèn kém, làm như bản nghiệp lớn” (13).

Có thể nói những sự kiện nổi bật dưới thời Lê Uy Mục, Lê Tương Dục đã được sử

sách chép lại khá kĩ. Điều đặc biệt là những sự kiện lịch sử ấy được nhà sử học Lê Tung - người đã trực tiếp tham gia làm nên lịch sử giai đoạn này ghi lại gần như đồng thời qua tám bia “Cổ tích Linh từ bi ký”. Nội dung tám bia không những cho chúng ta biết sự mâu thuẫn gay gắt trong triều đình Lê Uy Mục, quá trình giúp Lê Tương Dục lên ngôi mà còn giúp cho chúng ta hiểu thêm lịch sử cũng như quang cảnh khu di tích núi Trầm - một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Hà Tây cách ngày nay 5 thế kỷ. Cả hai tám bia tại núi Trầm và Đình Kim Liên như đã đề cập ở trên đã được một số sách giới thiệu nhưng còn sơ sài, thậm chí viết sai, dịch sai và chưa khảo kỹ về mặt văn bản học. Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu nội dung tám bia. Phần phiên âm chúng tôi tiến hành khảo sát kỹ về mặt văn bản và dịch lại cho sát nghĩa hơn. (Chúng tôi chọn văn bia ở chân núi Tử Trầm làm bản chính).

3. NỘI DUNG TÁM BIA

古跡靈詞碑記

高山大王神祠銘并序

蓋聞 0 帝王興仁義之兵，救生民之命。其規恢宏策，闢闢雄關以成莫大之功，創莫大之業者。蓋有莫大之德而 0 窮天為之協應，神明為之贊助，非偶然也。是以周武肇造蒼姬，必賴山川靈神之克相，漢光重興赤祚，亦賴白衣父老之默扶於皇 0 大越。

聖祖高皇帝，起義之初，則有弘佑至靈諸名神為之陰駕，豈非。天地眷于至仁，鬼神亨于有德者耶。嗣後廟祠創立，殷禮肇稱祀典，招垂春秋至祭，皆所以報神賜而祈鴻休也。靈應彰明，古今符契。頃者厲愆失德，恣暴肆行，外威專權，內朝干政，荼毒兆庶，魚肉宗藩。天怨民怒而不之知，眾叛親離而不之覺。己巳年十一月 0 皇上避難西都，大興義施以復 0 高祖之業，極億兆之民。時則有長樂殿親屬，揚武協謀，

同德效忠，開國功臣，特進金紫榮祿大夫，贊理效順，開府儀同三司，平章軍國重事，輔國丞相上宰，太傅威國公阮伯麟。

翌運功臣，特進輔國上將軍，左都督金吾衛都指揮使司，都指揮使，掌衛事安和侯阮弘裕。

光進鎮國大將軍，左檢點參督效力，四衛軍務事阮文侶等奉命徂征，同心翊贊糾合豪傑，諷集民兵，佐白旄黃鉞之行大極涵亭屯之舉文侶等行至寧山縣，其山林靈蔚，延袤廣莫有淵，名淋當壺畝，許靜深不測，樹木交加。上有一祠，蓋以草茅。祠中立石題曰：高山大王。文侶等睹之驚異，乃懇祝曰：端慶殘虐，民不聊生。

天命人心，歸于有德。今聖上以聖宗之孫，建皇之子，思祖宗創業之難，同兆姓倒懸之苦，為社稷計興，除殘去暴之兵。文侶等共佐明君以安天下。神如有靈，陰扶默相，以濟大業。事成之日，文侶等必請命于朝尊顯之以昭神貺。

言悉，嚴整部伍肅隊而行四方臣民不期而會壺漿箪食以迎王師。兵無血刀之勞，民遂雲霓之望，匈奴蕩滌宮禁肅清，億年之鍾鼎。蓋綿九廟之光靈永妥三綱九疇以之而復焉。

皇圖國祚由是而再安，曾不旬日而成功之速如此。蓋由聖德素孚，天人協應，而鬼神有以相之歟。本年，十二月初二日皇上光登寶位。誕撫多方發政施仁，以寵綏乎。兆姓矜禮咸秩，以懷柔乎。百神文侶等仰大勳之克集。思神貺之孔彰以其事，聞玉音賜可敕寧山縣，紫沉社，尹督押軍民，構作祠宇。命工部作碑，仍命臣等撰銘以垂永久。僉臣等愚陋，曷足以贊揚聖皇功業之隆，發揮神理感通之妙。然既叨奉明詔敢不對揚休命乎？臣等竊惟德必受命，古今之定理也。微而能顯，鬼神之盛德也。蓋其肇非常之業雖本帝王之德而贊成非常之業，亦由神明之助。幽明一理，感應一機，天人相與之祭有如此者。宜其輪奐祠宇晨昏香火，報神賜也。秩之祀典，勒之貞珉，昭靈應也。惟神素稟，乾坤之正氣，鍾光岳之精靈，然相皇圖，永扶寶祚，孚鴻休於有永，介景福於無窮。則茲山也與天地同其悠矣。猗歟，休哉。

銘曰：

蔚彼岑崗

鍾奇孕秀

煙樹蒼蒼

峯勝毓祥

洄淵澄碧
 錄水孚光
 靜深莫測
 磅無方民
 良重坎習
 神闕靈藏
 寥哉四顧
 軒豁宇宙
 確視此間
 有一祠宇
 茅蓋竹椽
 粉題石主
 高山著名
 威儀孔阜
 有感皆通
 刷施斯普
 時屬遘屯
 天啓明君
 西都奮施
 旄鉞躬親
 桓桓名將
 糾糾義民
 勦除志銳
 懇祝斯勤
 大事克濟
 將禮是振
 洋洋如在
 靈鑒弘啓

助我威聲
 颯馳電邁
 民慰望霓
 風傳掛旆
 曾不遊旬
 乾坤清泰
 伊誰力歟
 惟神是賴
 報賜孔慶
 懇款雲箋
 具陳靈貺
 日篤弗諼
 九重俞九
 盛意惓惓
 陬寵援契
 穀日載蠲
 昭答不爽
 舉行是先
 乃介宰邑
 興脩惟急
 鳩功助材
 華字攸立
 桷椽棟樑
 輪奐峩岌
 廟貌尊嚴
 光靈耀熠
 香火明煙
 歲時爰及

矧是記功
惟石穹窿
秋祀春福
篆李隸鍾
流方益顯

佑國增隆
億年錫福
廣播休風
祠前永鎮
昭永無窮

洪順二年，歲次庚午，仲秋，吉日。進慎光祿大夫，少保，禮部尚書，東閣大學士，兼國子監祭酒知經筵事，臣黎嵩等奉敕撰。顯躬大夫，中書監，中書舍人臣杜如芝奉寫。試鞍轡營造所刊書匠匠副，臣裴汝驛奉刊。

Phiên âm: Cổ tích linh từ bi ký.

Cao Sơn Đại Vương thần từ minh tịnh tự.

Cái văn:

Đế vương hưng nhân nghĩa chi binh, cứu sinh dân chi mệnh. Kỳ quy khôi hoành toán hạp tịch hùng khuých (14), dĩ thành mạc đại chi công, sáng mạc đại chi nghiệp giả. Cái hữu mạc đại chi đức, nhi cùng thiên (15) vi chi hiệp ứng, thần minh vi chi tán trợ phi ngẫu nhiên dã. Thị dĩ Chu Vũ triệu tạo Thương cơ, tất lại sơn xuyên linh thần chi khắc tướng, Hán Quang Trùng Hưng xích tộ, diệp lại bạch y phụ lão chi mạc phù ư Hoàng Đại Việt.

Thánh Tổ Cao hoàng đế, khởi nghĩa chi sơ, tác hữu hoàng hựu chí linh chư danh thần vi chi âm chất khởi phi. Thiên địa quyển vu chí nhân, quý thần hưởng vu hữu đức giả da. Quyết hậu miếu từ sáng lập, ân lễ triệu xưng tự điển, chiêu thủy Xuân Thu chí tế, giai sở dĩ báo thần tứ nhi kỳ (16) hồng hưu dã. Linh ứng chương minh, cổ kim phù khế. Khoảnh giả, Lệ Mẫn thất đức, hung bạo tứ hành, ngoại thích chuyên quyền, nội triều can chính, đồ độc triệu thứ, ngư nhục tông phiên, thiên oán dân nộ

nhi bất chi tri, chúng bạn thân (17) li nhi bất chi giác. Kỷ Ty niên, thập nhất nguyệt, hoàng thượng ty nạn Tây Đô, đại hưng nghĩa thi dĩ phục Cao tổ chi nghiệp cực, ức triệu chi dân. Thời tác hữu Trường Lạc điện thân thuộc, Dương Vũ Hiệp mưu, đồng đức hiệu trung, Khai quốc công thần, Đặc Tiến kim tử Vinh lộc đại phu, Tân lý hiệu thuận, Khai phủ nghi đồng tam ty, Bình chương quân quốc trọng sự, Phụ quốc Thừa tướng Thượng tể, Thái phó Uy Quốc Công Nguyễn Bá Lân; Dục vận công thần, Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, Tả Đô đốc Kim Ngô Vệ Đô chỉ huy sứ ty, Đô chỉ huy sứ, Chương vệ sự An Hoà Hầu Nguyễn Hoàng Dụ; Quang Tiến Trấn quốc Đại tướng quân (18), Tả kiểm điểm tham đốc hiệu lực, Tứ vệ quân vụ sự Nguyễn Văn Lữ đẳng, phụng mệnh tở chinh, đồng tâm dục tán củ hợp hào kiệt, phụng tập (19) dân binh, tá bạch mao hoàng việt chi hành, đại cực nịch hanh truân (20) chi củ, Văn Lữ đẳng hành chí Ninh Sơn huyện (21). Kỳ sơn lâm linh úy, diên mâu quảng mạc, hữu uyên danh lâm đương nhất mẫu, hứa tĩnh thâm bất trắc, thụ mộc giao gia. Thượng hữu nhất từ, cái dĩ thảo mao (22). Từ trung

lập thạch đề viết: “Cao Sơn Đại Vương”. Văn Lữ đăng đồ (23) chi kinh dị, nãi khẩn chúc viết: “Đoan Khánh tàn ngược, dân bất liêu sinh. Thiên mệnh nhân tâm, quy vu hữu đức. Kim Thánh Thượng dĩ Thánh Tông chi tôn, Kiến Hoàng chi tử. Tư tổ tông sáng nghiệp chi nan, đồng (24) triệu tính đảo huyền chi khổ, vị xã tắc kế hưng, trừ tàn khủ bạo chi binh. Văn Lữ đăng cộng tá minh quân dĩ an thiên hạ. Thần như hữu linh, âm phù mặc tương, dĩ tế đại nghiệp. Sự thành chi nhật, Văn Lữ đăng tất thỉnh mệnh vu triều tôn hiển chi dĩ chiêu thần hưởng”.

Ngôn tất, nghiêm chỉnh bộ ngũ túc đội nhi hành, tứ phương thần dân bất kỳ nhi hội hồ tương đan thực dĩ nghênh vương sự. Binh vô huyết đao chi lao, dân toại vân nghệ chi vọng, hung đồ dăng dịch cung cấm túc thanh, ức niên chi chung đỉnh. Cái miên (25) cửu miếu chi quang linh, vĩnh thoả tam cương, cửu trừ dĩ chi nhi phục yên (26).

Hoàng đô quốc tộ do thị nhi tái an, tăng bất tuần nhật nhi thành công chi tốc như thử. Cái do, thánh đức tố phu, thiên nhân hiệp ứng, nhi quỷ thần hữu dĩ tương chi dư. Bản niên, thập nhị nguyệt (27), sơ nhị nhật, hoàng thượng quang dăng bảo vị, đản phủ đa phương (28) phát chính thi nhân, dĩ sủng thoả hồ, triệu tính (29) xưng lễ hàm trật, dĩ hoài nhu hồ. Bách thần Văn Lữ dăng ngưỡng đại huân chi khắc tập tư thần hướng chi, khổng chương dĩ kỳ sự, văn ngọc âm, tứ khả sắc Ninh Sơn huyện, Tử Trầm xã (30), doãn đốc áp quân dân, cấu tác Từ vũ. Mệnh Công bộ tác bi, nhưng mệnh thần dăng soạn minh (31) dĩ thủy vĩnh cửu. Cố thần dăng ngu lậu, xương túc dĩ tán dương thánh hoàng công nghiệp chi long, phát huy (32) thần lý cảm thông chi diệu. Nhiên ký thao phụng. Minh chiếu cảm bất đối

dương hưu mệnh hồ. Thần dăng thiết duy: Đức tất thụ mệnh, cổ kim chi (33) định lý dã, vi nhi năng hiển, quỷ thần chi thịnh đức dã. Cái kỳ triệu phi thường chi nghiệp. Tuy bản đế vương chi đức, nhi tán thành phi thường chi nghiệp, diệc do thân minh chi trợ. U minh nhất lý, cảm ứng nhất cơ, thiên nhân tương dữ chi tế, hữu như thử giả, nghi kỳ luân hoán. Từ vũ, thần hôn hương hoá báo thần tứ dã. Trật chi tự điển, lạc chi trình mãn, chiêu linh ứng dã. Duy thần tố bẩm, cần khôn chi chính khí, chung quang nhạc chi tinh linh, nhiên tương hoàng đồ, vĩnh phù bảo tộ, phu hồng hưu ư hữu vĩnh, giới cảnh phúc ư vô cùng, tắc tư sơn dã dữ thiên địa đồng, kỳ du hĩ (34). Y dư, hưu tai.

Minh viết:

Uý bĩ sầm cương
Yên thụ thương thương (35)
Chung kỳ dựng tú
Tốt thắng dục tương
Hồi uyên (36) trùng bích
Lục thủy phù quang
Tĩnh thâm mạc trác
Bàn vô phương dân (37)
Lương trùng khảm tập
Thần bí linh tàng
Liêu tai tứ cố
Hiên khoát vũ trụ
Xác thị (38) thử gian
Hữu nhất từ vũ
Mao cái trúc dạng
Phấn đề thạch chủ
Cao Sơn trú danh
Uy nghi khổng phụ
Hữu cảm giai thông
Khuyết thi tư phổ
Thời thuộc cấu truân (39)
Thiên khải minh quân

Tây Đô phán thi (40)
 Mao việt cung thân
 Hoàn hoàn danh tướng
 Củ củ nghĩa dân
 Tiểu trừ chí nhuệ
 Khẩn chúc tư cần
 Đại sự khắc tế
 Tương lễ thị bản
 Dương dương như tại
 Linh giám hoàng khải
 Trợ ngã uy thanh
 Tiêu tri diện mại
 Dân uỷ ượng nghệ
 Phong truyền (41) quái bái
 Tăng bát du tuần
 Càn khôn thanh thái
 Y thủy lực dư
 Duy thần thị lại
 Báo tứ khổng khánh
 Khẩn khoản vân tiên
 Cụ trần linh hướng
 Nhật đốc phát huyền
 Cửu trùng (42) du cửu
 Thịnh ý quyền quyền
 Tư quy viện khế
 Cốc nhật tải quyền
 Chiêu đáp bất sảng
 Cử hành thị tiên
 Nãi giới tế áp
 Hưng tu duy cấp
 Cư công trợ tài (43)
 Hoa tự (44) du lập
 Giác suy đồng lương
 Luân hoán nguy ngập
 Miếu mạo tôn nghiêm
 Quang linh diệu dập (45)
 Hương hoả minh yên (46)
 Tuế thời viên cập

Thần thị kí công
 Duy thạch khung lung
 Thu tự Xuân phúc
 Triện Lý Lệ Chung
 Lưu phương ích hiển (47)
 Hữu (48) quốc tăng long
 Ưc niên tích phúc
 Quảng bá hưu phong
 Từ tiền vĩnh trấn
 Chiêu vĩnh vô cùng.

Hồng Thuận nhị niên (49), tuế thứ Canh Ngọ, Trọng Thu, cát nhật.

Tiến thận Quang lộc đại phu (50), Thiếu bảo, Lễ bộ Thượng thư, Đông các đại học sĩ, kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu, Tri kinh diên sự thần Lê Tung đẳng phụng sắc soạn.

Hiển cung đại phu Trung thư giám, Trung thư xá nhân, thần Đỗ Như Chi phụng tả.

Thí An bí doanh tạo sở san thư tượng tượng phó, thần Bùi Nhữ Dịch phụng san.

Tam dịch nghĩa:

Cổ tích linh từ bí kí.

Bài tựa và bài minh đền thờ Cao Sơn Đại Vương.

Thường nghe: Bạc đế vương lấy binh để hưng nhân nghĩa, cứu dân, khôi phục lại công nghiệp, không gì lớn lao bằng. Đại đế là do sự giúp đỡ của thần linh không phải là ngẫu nhiên vậy. Vì thế Vũ Vương đã gây dựng nên công nghiệp họ Chu (51) ắt là nhờ cậy vào thần linh sông núi. Quang Vũ Trưng Hưng công việc nhà Hán (52) cũng phải nhờ vào các bậc phụ lão áo trắng giúp đỡ (53).

Thánh tổ Cao Hoàng đế buổi đầu khởi nghĩa, tất có sự phù hộ lớn lao, hoạ phúc đều bởi do các bậc thần linh nổi tiếng, trời đất chí nhân, quỷ thần có đức. Về sau đền

miếu được dựng xây, triều đình ban ơn lớn lao, để Xuân Thu tế lễ, đều là báo đáp công ơn của thần, nổi tiếng linh ứng, phù hộ xưa nay. Bổng chốc Lê Mẫn (54) thất đức hung bạo, ngoại thích chuyên quyền, can dự vào triều chính, chà đạp dân chúng, giết hại tông thân. Trời oán dân giận mà không biết, dân chúng chống lại rời bỏ mà không hay.

Tháng 11 năm Kỷ Tỵ (1509), hoàng thượng tránh loạn ở Tây Đô, tập trung nghĩa binh để khôi phục công nghiệp lớn lao của Cao Tổ, của muôn triệu dân. Lúc ấy các vị thần thuộc ở điện Trường Lạc (55) là: Dương Vũ Hiệp mưu, đồng đức hiệu trung, Khai quốc công thần, Đặc Tiến kim tử Vinh lộc đại phu, Tán lý hiệu thuận, Khai phủ nghi đồng tam ty, Bình chương quân quốc trọng sự, Phụ quốc Thừa tướng, Thượng tế Thái phó Uy Quốc Công Nguyễn Bá Lân (56); Dục vận công thần, Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, Tả Đô đốc Kim Ngô Vệ, Đô chỉ huy sứ ty, Đô chỉ huy sứ, Chương vệ sự An Hoà Hầu Nguyễn Hoàng Dụ (57); Quang Tiến Trấn quốc, Đại tướng quân, Tả kiểm điểm, Tham đốc hiệu lực, Tứ vệ quân vụ sự Nguyễn Văn Lữ (58) cùng kính cẩn vâng mệnh đi đánh dẹp. Cùng nhau tập hợp hào kiệt, nhóm họp dân binh, giúp cho cờ quạt đao binh (59) đi làm việc lớn. Vượt qua khó khăn, Văn Lữ hành quân đến huyện Ninh Sơn (60). Núi rừng rậm rạp, hoang vắng, có vực sâu, tên là Lầm rộng khoảng một mẫu yên tĩnh ngập nước, sâu không lường được, cây cối cành lá giao nhau, trên có một đền thờ lợp bằng cỏ tranh, trong đền dựng cột đá đề chữ: *Cao Sơn Đại Vương*. Văn Lữ nhìn thấy, sợ hãi mà khẩn rằng: “Doan Khánh (61) tàn ngược dân không sao sống nổi. Lòng người, mệnh trời đều trở về với người có đức. Nay thánh thượng là con của Kiến Hoàng (62) cháu của Thánh Tông lên làm vua. Nghĩ

rằng tổ tông gian nan dựng nghiệp, thương muôn họ phải chịu cảnh đoạ đầy. Vì sự hưng thịnh dài lâu của xã tắc mà dùng binh trừ tàn khử bạo. Bọn Văn Lữ đồng lòng giúp vua giữ yên thiên hạ. Thần như linh thiêng, lạng lẽ phù hộ cùng giúp cho yên thêm nghiệp lớn. Đến ngày công việc thành công, bọn Văn Lữ tâu xin triều đình tôn vinh, tỏ rõ công lao của thần”.

Cầu xong, hàng ngũ chỉnh tề kéo đi, bề tôi và dân chúng không hẹn nhau mà mọi người đều tập trung đi theo, chuẩn bị giỏ cơm, túi nước để đi đón quân của nhà vua. Binh không phải khổ máu dây mũi gươm đao, dân thoả nguyện mong chờ, như nắng hạn gặp mưa rào, giặc bị tiêu diệt, cung cấm sạch lầu, muôn năm bền vững. Đại đế, do sự linh thiêng của miếu mạo, Tam cương, Cửu trù (63) được bền vững dài lâu, sự nghiệp lớn lao lại được khôi phục.

Vận nước do đó lại được an, chưa đến một tuần mà đã thành công nhanh chóng. Được như thế, là do đức thánh phù hộ, đạo trời và lòng người giúp sức, quỷ thần cùng tương trợ chăng?

Ngày 2 tháng 12 năm ấy (1509), hoàng thượng lên ngôi (64). Nhà vua võ vè, thi hành nhân nghĩa để thể hiện sự sùng chuộng, muôn họ được ban hàm phẩm trật để tỏ rõ lòng mến mộ. Văn Lữ cùng trăm thần được thưởng công lớn. Nghĩ rằng, công của thần thật lớn lao. Nghe lời ngọc, ban sắc cho xã Tử Trâm, huyện Ninh Sơn, sai quân xây dựng đền thờ, mệnh cho Bộ Công dựng bia, sai thần soạn bài minh để lại mãi mãi. Nhưng thần vốn nông cạn, sao đủ để ca ngợi công đức lớn lao của hoàng đế, phát huy cái kỳ diệu của thần thánh, bèn đội ơn trọng đãi, kính cẩn vâng theo mà không dám chối từ. Thần trộm nghĩ, đức vốn thu bắt ở trời vốn là lẽ xưa nay, do đó mà được vinh hiển là cái đức lớn của quỷ thần vậy.

Đại đế, mở ra sự nghiệp lớn cũng là do thần sáng suốt giúp sức, sự biến hoá linh diệu, đạo trời lòng người cùng nhau giúp đỡ. Như thế, phải sửa sang đền miếu để sớm tối hương hoả, báo đáp công ơn của thần. Triều đình ban cho ân điển, khắc vào đá quý để tỏ rõ sự linh ứng vậy. Nghĩ rằng, thần lớn lao vĩ đại tập trung cả trời đất, kết tinh linh thiêng của núi sông, cùng bảo hộ cơ đồ bền vững, phù giúp sự nghiệp đến vô cùng, phúc lớn vô tận, tức là núi này cùng tồn tại mãi mãi với trời đất. Than ôi. Tốt đẹp thay!

Minh rằng:

Núi nhỏ rậm rạp
 Cây cối xanh xanh
 Linh thiêng kết tụ
 Sắc đẹp tốt lành
 Dòng nước uốn lượn
 Nước biếc lung linh
 Tĩnh sâu khó lường
 Mênh mông rừng núi
 Tầng núi lồm sồm
 Chứa nhiều thần bí
 Bốn phương vắng lặng
 Mênh mang đất trời
 Nhìn xem chỗ này
 Có một đền miếu
 Lợp bằng cỏ tranh
 Cột đá để chữ
 Cao Sơn trứ danh
 Uy nghi gò lớn
 Có cảm đều thông
 Thi hành rộng khắp
 Khi gặp gian truân
 Trời sinh minh quân
 Tây Đô giết giặc
 Cùng mang cờ kiếm
 Tướng giỏi hăng say

Tập hợp nghĩa dân
 Một lòng diệt giặc
 Kính cẩn cầu khẩn
 Giúp đỡ lớn lao
 Tướng lễ ban gia
 Bao la như thế
 Mọi chốn linh thiêng
 Giúp ta tầm tiếng
 Hơn bão hơn chớp
 Dân mong ngóng tin
 Treo cờ thắng trận
 Chưa quá một tuần
 Đất trời trong sáng
 Bởi dựa vào đâu?
 Dựa vào thần thánh
 Báo công thắng lớn
 Khẩn khoản râu bầy
 Quả được ứng ngay
 Hết lòng phù giúp
 Cứu trùng đáp lại
 Ý thánh thiết tha
 Mai rùa quẻ bói
 Ngày đẹp trai giới
 Rõ rệt không sai
 Cử hành trước hết
 Khuyên bảo ấp này
 Tu sửa liền ngay
 Góp công góp của
 Nhanh chóng dựng xây
 Trụ cột xà rui
 Nguy nga lộng lẫy
 Miếu mạo tôn nghiêm
 Linh thiêng ngời sáng
 Nghi ngút khói hương
 Suốt năm dân kính
 Ghi việc ghi công
 Viết vào đá quý

Xuân Thu tế lễ
 Triệu Lý, Lê Chung (65)
 Tiếng tăm lẫy lừng
 Giúp nước thịnh hưng
 Muôn năm tích phúc
 Quảng bá tốt lành
 Trước đền trấn yểm
 Chiêu mãi vô cùng

Ngày tốt, tháng Trọng Thu (tháng 8) năm Canh Ngọ, niên hiệu Hồng Thuận thứ 2 (1510).

Tiến Thận Quang lộc đại phu, Thiếu bảo Lễ bộ Thượng thư, Đông các đại học sĩ, kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu, Tri kinh diên sự thần Lê Tung kính cẩn vâng soạn.

Hiển cung đại phu, Trung thư giám, Trung thư xá nhân thần Đỗ Như Chi kính cẩn viết. Thí An bí doanh tạo sở san thư tượng tượng phó, thần Bùi Nhữ Dịch kính cẩn khắc chữ.

CHÚ THÍCH

(1) Quốc Tử Giám Tế tửu là một chức quan đời xưa. Trong bia khắc là: “kiêm Quốc Tử Giám tế...tri kinh diên sự” thiếu chữ “tửu” (酒), chúng tôi bổ sung.

(2). Có thể xem bản *thần tích, thần sắc* của thôn Miếu, xã Long Châu thờ Cao Sơn Đại Vương của tổng Tiên Lữ, Hà Đông, lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu Q4 18/II25 và bản của thôn San, ký hiệu Q4 18/II24. Chúng tôi được các cụ già cho biết: Chỗ đặt tấm bia *Cổ tích linh từ bi ký* ở dưới chân núi, địa thế trũng hay bị ngập lụt nên vào khoảng thời Lê Trung Hưng, đình được chuyển vào giữa làng như ngày nay. Còn tấm bia của Lê Tung vẫn ở chỗ đình cũ (nay thuộc doanh trại quân đội).

(3). Huyện Phụng Hoá trong sách *Hồng Đức bản đồ* (bản chữ Hán) lưu trữ tại Đông Dương văn khố Tokoyo (Nhật Bản) kí hiệu X-2-24 tờ 6 viết: Huyện Phụng Hoá (Phủ Thiên Quan, xứ Thanh Hoá) có 27 xã, 1 trang, 1 trại.

(4). Bến Bồ Đề nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(5). Chúng tôi gọi tấm bia ở xóm San, xã Phụng Châu dưới chân núi Tử Trầm là bản (A) - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu N₀ 1954. Bản ở đình Kim Liên là bản (B)-N₀ 1025-1026. Hiện nay, Viện Nghiên cứu Hán Nôm còn lưu trữ một quyển sách chữ Hán kí hiệu VHT 42 chép lại bản (A) có sửa chữa bằng bút chì, (đây

là một cuốn sách mới chép gần đây). Xem *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 611. Giới thiệu bản (B) là do Bùi Nhữ Trạch khắc bia, bia lập năm Cảnh Hưng thứ 23 (1762). Tên bia là *Cao Sơn Đại Vương thần từ bi minh*. Khi dịch bản (A), sách “*Chương Mỹ xưa và nay*” do Sở Văn hoá Thông tin Hà Tây, xuất bản năm 2003, tr. 678, lại viết là Bùi Văn Dịch khắc. Đúng ra là Bùi Nhữ Dịch khắc, bia lập năm Cảnh Hưng thứ 33 (1772) và bia không có tên, bản (B) dòng đầu ghi “*Cao Sơn Đại vương từ minh tịnh tự*”.

(6). Xem *Đình khế Đại Việt lịch triều đăng khoa lục* của Nguyễn Hoãn năm Cảnh Hưng thứ 40 (1779), kí hiệu VHV 650 quyển 1, tờ 30a hoặc xem Ngô Đức Thọ (chủ biên). *Các nhà khoa bảng Việt Nam*, Nxb. Văn hoá, 1993, tr. 182.

(7). Hiện nay, tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm còn lưu trữ một số sách chép lại tác phẩm của Lê Tung:

- Sách chép tay bài văn bia đền Cao Sơn Đại Vương ở Ứng Hoà rồi sửa chữa bằng bút chì. Kí hiệu VHT 42.

- *Đại Nam bi ký thi trường bảo tập*: ký hiệu A222.

- *Nhân ái thần từ lục*: một bản viết 32 trang, khổ 32 x 22,5, ký hiệu A710. Viết về sự tích của Đỗ Kính Tu có lời bình của Ngô Sĩ Liên, Lê Tung.

Ngoài ra còn một số bản thân phả mang tên Lê Tung soạn. Song về niên đại của những bản thân phả này có nhiều nghi vấn. (Xem thêm bài *Nhà sử học Lê Tung và Lạc khoản trong một số bản thân phả hiện có* của Nguyễn Quang Trung, Lê Kim Thuỳên, Thông báo Hán Nôm học 1997, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 664-670).

(8). *Việt sử thông giám tổng luận* do Lê Tung soạn. Theo Phan Huy Chú, khi Vũ Quỳnh làm xong sách *Đại Việt thông giám thông khảo*, dâng lên vua, Tương Dục muốn tóm tắt những điều quan trọng trong bộ sử ấy và có phê phán làm thành bài tổng luận để đọc cho tiện, bèn sai Lê Tung soạn (chú thích của *Đại Việt sử ký toàn thư*), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tập III, tr. 73. Bản chữ Hán, Bản kỷ quyển XV - tờ 24b.

(9). Văn bìa mang số 11 ở Văn Miếu Hà Nội hoặc thác bản văn bìa Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, N₀ 1369.

(10). *Đại Việt sử ký Tiên biên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 28 (bản chữ Hán tờ 111b) ghi là "Đôn Hoà Bá". Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* và hai tám bìa (A), (B) đều ghi là "Đôn Thư Bá".

(11). *Đại Việt sử ký toàn thư* - bản kỷ, quyển XV - tờ 24a, bản tiếng Việt, sdd, tr. 72. Xem thêm: *Hồng Thuận lục niên Giáp Tuất khoa tiến sĩ đề danh ký*, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, N₀ 1356.

(12). *Đại Việt sử ký toàn thư* - bản kỷ, quyển XIV - tờ 24a, bản tiếng Việt, tập III, sdd, tr. 40.

(13). *Đại Việt sử ký toàn thư* - Bản kỷ, quyển XIV - tờ 50b, bản tiếng Việt, tập III, sdd, tr. 97-98.

(14). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 16-23; tr. 118-123 chép nhầm là "Hùng đồ" (雄圖).

(15). Bản (B) viết nhầm thành chữ "thị" (示) vì chữ "thị" (示) và chữ "thiên" (天) tự dạng giống nhau.

(16). *Tuyển tập văn bia Hà Nội* ghi là chữ "kỳ" (期) theo bản gốc đúng ra phải là chữ "kì" (祈).

(17). Bản (A) viết là "dân" (民), bản (B) viết là "thân" (親) cả hai chữ này đều thông nghĩa.

(18). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd, thiếu chữ "quân" (軍), tr. 120.

(19). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd, thiếu chữ "tập" (集).

(20). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd. Bản (A) viết là (𡗗), bản (B) viết là (𡗗). Riêng chữ (𡗗) có 2 âm đọc "truân" và "đôn". Ở đây, chữ (𡗗) phải đọc là "truân" (nghĩa là khó khăn) mới thông nghĩa. Có lẽ bản (A) viết lộn chữ "Truân" (𡗗) thành chữ "đôn" (𡗗).

(21). Bản (B) thay 3 chữ "Ninh Sơn huyện" (寧山縣) bằng chữ "Phụng Hoá huyện" (奉化縣) (xem thêm chú thích 3).

(22). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd. Bản (B) viết: "cái dĩ mao thảo" (蓋以茅草) bản (A) thiếu chữ "dĩ" (以).

(23). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd, viết nhầm chữ "đổ" (賭) thành chữ "thị" (視), tr. 121.

(24). Bản (B) viết chữ "đồng" (同) (cả câu là: cùng muôn họ chịu cảnh đọa đầy); Bản (A) viết là chữ "mãn" (滿), (cả câu là: Thương muôn họ chịu cảnh đọa đầy) đều có nghĩa.

(25). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd, ghi "ích diên" (益延), tr. 121. Theo bản (B) viết là "ích miên" (益綿). Bản (A) viết là "ích cảm" (益錦) có lẽ bản (A) khác nhầm.

(26) Bản (A) khắc là "Yên" (焉), Bản (B) khắc là "chính" (正) ở đây phải là "yên" (焉) mới đúng. Bản (B) khắc lầm.

(27). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd, viết là "thập nguyệt" (十月). Xin sửa lại là "thập nhị nguyệt" (十二月).

(28). Bản (A) viết là "linh phương" (靈方). Bản (B) khắc là "đa phương" (多方). (chúng tôi theo bản (B)).

(29). Bản (A), (B) đều ghi là "vu triệu tính" (于兆姓), "vu bách thần" (于百神). *Tuyển tập*

văn bia Hà Nội ghi là “vụ bách tính (千百姓) vụ bách thần”, sdd (千百神), tr. 121.

(30). Bản (B) thay 6 chữ “Ninh Sơn huyện, Từ Trầm xã” (寧山縣紫沉社) bằng 3 chữ “Phụng Hoá huyện” (奉化縣).

(31). Bản (A), (B) đều viết là “thần đẳng soạn minh” (臣等撰銘). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd, ghi nhầm là “thần đẳng soạn bi” (臣等撰碑), tr. 121.

(32). *Tuyển tập văn bia Hà Nội* thiếu hai chữ “phát huy” (發揮), tr. 121.

(33). *Tuyển tập văn bia Hà Nội* viết “cổ kim định lý” (古今定理), tr. 122. Theo Bản (A), (B) phải là “cổ kim chi định lý” (古今之定理).

(34). Bản (B) khắc là “Kỳ du cửu hĩ” (其愈久矣) thêm chữ “cửu”. (久)

(35) Chữ “thương” (蒼) không kiêng húy. Xem Ngô Đức Thọ. *Nghiên cứu chữ húy Việt Nam qua các triều đại*. Nxb. Văn hoá, 1997, tr. 70-72.

(36). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd, ghi là “uyên hối” (淵洩) tr. 122 xin sửa lại theo đúng nguyên bản là “hối uyên” (洩淵).

(37). Bản (A) là : “bàn vô phương dân” (磅無方氏) Bản (B) viết là “bàn bạc vô phương” (磅礪無方) (chúng tôi theo bản (B)).

(38). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd ghi là “hùng thị” (雄視), tr. 122, không có nghĩa. Xin sửa theo bản gốc là “xác thị” (確視).

(39). Bản (A) viết là chữ “đồn” (屯) Bản (B) viết chữ “truân” (屯). Vì 2 chữ này tự dạng giống nhau. Theo chúng tôi bản (A) khắc lầm, phải là “truân” mới đúng âm vận và thông nghĩa hơn.

(40). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd, chép nhầm là “lưỡng đô chấn thi” (兩都振施), tr. 122, đúng ra phải là “Tây Đô phần thi” (西都奮施) (Tây Đô giết giặc).

(41). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd, chép nhầm là “phong tiến” (風前), nguyên bản là “phong truyền” (風傳), tr. 122.

(42). Bản (B) khắc là “Cửu trùng trùng du cửu” (九重重愈久) thừa một chữ “trùng” (重) (chữ này bị xoá nhưng còn khá rõ).

(43). Bản (A) là “Cửu công trợ tài” (鳩功助材), Bản (B) là “Cửu công sức tài” (鳩功飭材)

(44). Bản (A) viết là “hoa tự” (華字), Bản (B) là “hoa vũ” (華宇).

(45). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd, chép nhầm là “diệu tập” (燿習), tr. 123, đúng là phải là “diệu dập” (燿熠).

(46). Bản (A) là “Hương hoả minh yên” (香火明煙), bản (B) là “Hương hoả minh nhân” (香火明禪) vì bản (B) viết lầm bộ “Hoả” (火) thành bộ “Thị” (示) (cùng giống nhau về nghĩa).

(47). Bản (A) viết là “Liệt phương ích hiển” (列芳益顯), bản (B) viết là “Lưu phương ích hiển” (流芳益顯) (chúng tôi theo Bản (B)).

(48). Bản (A) viết chữ “cổ” (估) (nghĩa là đánh giá). Bản (B) khắc chữ “hữu” (佑) (chữ “hữu” nghĩa là giúp đỡ). Ở đây phải là “Hữu”, Bản (A) khắc lầm, vì tự dạng hai chữ gần giống nhau.

(49). *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sdd, viết nhầm là “Hồng Đức tam niên” (洪德三年), tr. 123, đúng ra phải là “Hồng Đức nhị niên” (洪德二年).

(50). Bản (A) viết là “Tiến thận Quang Lộc đại phu” (進慎光祿大夫) Bản (B) viết là “Quang tiến Thận Lộc đại phu” (光進慎祿大夫), chúng tôi theo bản (A).

(51). Nguyên văn chữ “thương cơ” (蒼姬). Chữ “thương” (蒼) là họ của Chu Vũ Vương, còn chữ “cơ” (姬) chưa rõ nghĩa.

(52). Lưu Bang sáng lập nhà Hán, theo truyền thuyết là con của Xích Đế đã chém chết con rắn trắng trước khởi nghĩa.

(53). Nguyên văn: “bạch y phụ lão” (白衣父老) có lẽ là nhắc lại điển Thái tử Đan và đoàn quân tiến Kinh Kha qua sông Dịch sang đất

Tân, đầu đội khăn trắng, áo trắng tiến đưa và ca bài hát: "Gió thổi sông Dịch lạnh tái tê - Trắng sī một di không trở về" (Phong tiêu tiêu hề Dịch thủy hàn - Trắng sī nhất khứ, bất phục hoàn) (*Chiến Quốc sách - Yên sách*).

(54). Lê Mẫn tức Lê Uy Mục. Theo các sách *Việt sử cương mục tiết yếu, Hồng Thuận trung hưng thực lục và Đại Việt sử ký toàn thư* đều chép là "Mẫn Lê công". Nhưng ở hai bia (A), (B) đều viết là "Lê Mẫn".

(55). Điện Trường Lạc (thời Lê) được nhắc đến trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ, quyển XVI, tờ 40a; *Đại Việt Lam Sơn kính lăng bi*, N_o 19724; *Việt sử cương mục tiết yếu*, sdd, tr. 382. Trường Lạc còn là tên gọi của mẹ vua Lê Hiến Tông. Năm 1504, khi Lê Uy Mục lên ngôi giết bà Trường Lạc duồng đũa người họ tông thất và công thần về địa phương Thanh Hoá. Hiện nay, tại công trường khai quật khảo cổ học 18 Hoàng Diệu, Hà Nội đã phát hiện được nhiều di vật gốm sứ có khắc in chữ *Trường Lạc* và *Trường Lạc khố*.

(56). Nguyễn Bá Lân sau được ban quốc tính là Lê Bá Lân. Nhưng bia này vẫn ghi họ cũ là Nguyễn Bá Lân. Xem *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển XIV, tờ 1b, quyển XV tờ 1a bản tiếng Việt, sdd, tr. 52-53.

(57). Nguyễn Hoàng Dụ là con của Nguyễn Văn Lang - một vị khai quốc công thần vào bậc nhất dưới thời Lê Tương Dực (xem chú thích 16).

(58). Nguyễn Văn Lữ: là một vị khai quốc công thần cùng với Nguyễn Hoàng Dụ, Nguyễn Văn Lang, Nguyễn Bá Lân, Lê Tung... giúp Lê Tương Dực lên ngôi.

(59). Nguyên văn "*Bạch mao hoàng việt*" chữ trong *Mục thệ* của *Kinh Thư*: "*Vương tá trưởng hoàng việt, hữu bình bạch mao*" (nghĩa là vua Vũ Vương tay trái chống búa rất vàng, tay phải cầm cờ tiết mao trắng). Thiên *Mục thệ* viết về việc vua Vũ Vương cùng tướng sĩ làm lễ tuyên thệ ở đất Mục trước khi đi chinh phạt vua Trụ.

(60). Huyện Ninh Sơn đến năm 1533 (Lê Trang Tông lên ngôi - huy là Ninh) đổi thành huyện Yên Sơn. Đến thế kỷ XIX, trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú viết: "*Chúc Sơn ở bên hữu núi Ninh Sơn, có ngọn núi tròn nổi lên, xung quanh có nhiều rừng vây bọc*" (Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992. Tập 1, tr. 89.

(61). Doan Khánh. Túc niên hiệu của vua Lê Uy Mục, tên húy là Tuấn (1479-1509), ở ngôi 5 năm (1505-1509).

(62). Sứ chép: "*Khi Đinh lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Hồng Thuận, truy tôn cha là Kiến Vương Tân làm Kiến Hoàng đế*"; *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản kỷ, quyển XV - tờ 1a; *Việt sử cương mục tiết yếu*, sdd, tr. 387.

(63). *Tam cương, Cửu trù*: Theo thuyết Nho Giáo, "*Tam cương*" là ba mối quan hệ: quân thần, phụ tử, phu phụ (đạo vua tôi, cha con, vợ chồng). *Cửu trù*: Chín phép lớn trị thiên hạ của thời cổ ghi trong *Kinh thư* (*Thiên Hồng Phạm*).

(64). Xem *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản kỷ, quyển XV, tờ 1b, 2a; bản tiếng Việt, sdd, tr. 52-53.

(65). *Triện Lý, Lệ Chung*: Lý Tư, đời Tấn đổi kiểu chữ Đại triện thành chữ Tiểu triện. Chung Do, đời Tam Quốc là người nổi tiếng viết chữ Lệ đẹp. Cả câu này ý nói kén chọn người viết chữ đẹp để khắc vào bia đá.